

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020
HUYỆN AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
I	Xã An Hòa			-	-	-	-	-
II	Xã An Tân			0,985	-	0,985	-	-
	Thôn Tân Lập							
1	Xây dựng đường bê tông đoạn từ Ngã hai nước - Nghĩa địa (Đoạn nối tiếp)	Nghĩa địa	Đồng trước			0,300		
	Thôn Tân An							
2	Đoạn từ nhà ông Tâm đến ruộng bà Lâm thôn Tân Lập; Hạng mục: Bê tông mặt đường	Nhà ông Tâm	Ruộng bà Lâm			0,354		
3	Nội bộ khu giãn dân thôn Tân An (Đoạn nối tiếp)	Nhà ông Năm	Nhà ông Xuyên			0,331		
III	Xã An Quang			1,929	-	1,929	-	-
	Thôn 2							
1	Bê tông hóa đường giao thông từ nhà ông Đinh Văn Dơ đến làng mới đường Mangten	Nhà ông Dỗ	Đồng Mangten			0,450		
	Thôn 3							
2	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ đồng Mây đến đồng Bo	Đồng Mây	Đồng Bo			0,800		
	Thôn 6							
3	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ làng mới đến làng cũ Thôn 6 (Đoạn 2)	Cuối đường bê tông	Làng cũ			0,679		
IV	Xã An Nghĩa			1,000	-	1,000	-	-
	Thôn 2							
1	BTXM tuyến đường từ làng cũ Thôn 2 đến ruộng Đồng Thôn 1	Làng cũ Thôn 2	Ruộng Đồng Thôn 1			1,000		
V	Xã An Toàn			3,000	-	-	-	3,000
	Thôn 3							
1	Bê tông nội đồng đường Ruộng Tăng	Từ làng Thôn 2	Đồng Tăng					3,000
VI	Xã An Hưng			1,335	-	0,920	0,415	-
	Thôn 1							
1	Nâng cấp đường trục chính Thôn 4	Đường 5B	Nhà văn hóa			0,400		
2	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 1 Tuyến từ nhà ông Nho đến nhà ông Vương T1 (Đoạn nối tiếp)	Nhà ông Nho	Bờ sông Re			0,350		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
3	BTGTNT từ nhà ông Nhiêm đến ông Lộc T1	Đường thôn	Nhà ông Nhiêm				0,035	
4	BTGTNT từ nhà ông Bó đến đường thôn (Tuyến 1)	Đường thôn	Nhà ông Bó			0,070		
5	BTGTNT từ nhà ông Bó đến đường thôn (Tuyến 2)	Đường thôn	Nhà ông Gố				0,040	
6	BTGTNT từ nhà ông Bó đến đường thôn (Tuyến 3)	Đường thôn	Nhà ông Dũng				0,040	
7	BTGTNT từ nhà ông Bó đến đường thôn (Tuyến 4)	Đường thôn	Đường 5B				0,100	
	Thôn 2							
8	BT GTNT tuyến từ đường thôn đến nhà ông Lê	Đường thôn	Đường 5B			0,050		
	Thôn 4							
9	Tuyến từ nhà bà ông Cường ra sau Núi T4	Đường thôn	Ông Cư			0,050		
10	Nâng cấp đường trục chính Thôn 4	Ngã 4	Nhà bà Xinh				0,200	
VII	Xã An Trung			0,600	-	0,600	-	-
	Thôn 5							
1	Đường BTXM thôn 5 (Đoạn nội tiếp): Đoạn 1 từ nhà ông Dìn đến giáp đường liên xã	Nhà ông Dìn	Đường Liên xã			0,300		
2	Đường BTXM thôn 5 (Đoạn nội tiếp): Đoạn 2 từ sau UBND xã đến trạm y tế	Sau UBND xã	Trạm y tế			0,300		
VII I	Xã An Vinh			0,250	-	-	-	0,250
	Thôn 1							
1	Thôn 1	Từ làng	Khu dân cư Gò Găm					0,100
	Thôn 3							
2	Thôn 3	Nhà ông Dũng	Nhà ông Chút					0,050
3	Thôn 3	Nhà văn hóa	Nhà ông Thư					0,070
	Thôn 4							
4	Thôn 4	Đường bê tông	Trường Tiểu học Thôn 4					0,030
IX	Thị trấn An Lão			1,450	-	1,450	-	-
	Thôn Gò Bù							
1	Đường BTGT nông thôn thôn Gò Bù (Đoạn trước ký túc xá)	Đường BT	Suối Tre			0,150		
2	Đường vào bể nước thôn Gò Bù	Đường BT	Bể nước			0,150		
	Thôn 2							
3	Đường BTNT Thôn 2	Đường BT	Đồng Mới			0,150		
	Thôn Hưng Nhơn Bắc							

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
4	Đường từ cầu sông đình đến giáp cầu đi qua khu kinh tế Trung Hưng (Lý trình: Km1+500)	Đường BT	Trại ông Thanh			0,500		
	Thôn Hưng Nhơn							
5	Đường từ cầu sông đình đến giáp cầu đi qua khu kinh tế Trung Hưng (Lý trình: Km1+500)	Đường BT	Cổng			0,500		
X	Ban QLDA ĐTXD huyện			1,598	-	1,598	-	-
1	Đường giao thông nội đồng ruộng Ram (Từ nối tiếp đến cuối đoạn)	Nối tiếp BT tuyến đường chính hiện	Tại Km2+420			1,420		
2	Đường vào khu chăn nuôi tập trung Khu tái định cư Hồ Đồng Mít	Tiếp giáp đường Thôn 3 - Thôn 8 An Trung	Khu chăn nuôi Thôn 2 An Dũng			0,178		
Tổng cộng :				12,147	-	8,482	0,415	3,250

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

12,147 Km

- Đường GTNT loại A:

- Km

- Đường GTNT loại B:

8,482 Km

- Đường GTNT loại C:

0,415 Km

- Đường GTNT loại D:

3,250 Km

2. Tổng khối lượng XM được hỗ trợ:

1.780,09 Tấn

- Đường GTNT loại A (hỗ trợ 220T/Km):

0,00 Tấn

- Đường GTNT loại B (hỗ trợ 170T/Km):

1.441,94 Tấn

- Đường GTNT loại C (hỗ trợ 110T/Km):

45,65 Tấn

- Đường GTNT loại D (hỗ trợ 90T/Km):

292,50 Tấn